



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 25 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|--------------------|------------|
| Ông Trần Khắc Hùng | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thế Sơn | Thành viên |
| Ông Trịnh Hữu Tuấn | Thành viên |
| Ông Thái Sỹ Oai | Thành viên |
| Ông Đặng Hồng Hải | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|--------------------|--|
| Ông Lê Phương Nam | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2015) |
| Ông Đặng Hồng Hải | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2015) |
| Ông Nguyễn Thế Sơn | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Lê Phương Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 06 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 11.06/2015/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 06 năm 2015, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

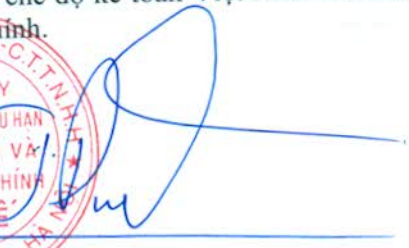


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747- 2013- 072- 01.
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2015



Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932- 2013- 072- 01.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 11.269.661.820 | 14.863.199.880 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 124.872.765 | 627.309.568 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 124.872.765 | 627.309.568 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.296.347.233 | 1.437.693.333 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.2 | 1.675.940.453 | 2.591.440.453 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.3 | 8.388.591.794 | 2.465.347.894 |
| 3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 135 | V.4 | 528.786.423 | 528.786.423 |
| 4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | V.5 | (3.296.971.437) | (4.147.881.437) |
| III. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.848.441.822 | 12.798.196.979 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 12.225.679 | 20.980.836 |
| 2. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.6 | 3.836.216.143 | 12.777.216.143 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 13.247.063.692 | 10.515.158.707 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 10.290.063.419 | 7.341.671.538 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 23.566.231 | 115.495.012 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.034.561.547 | 1.034.561.547 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.010.995.316) | (919.066.535) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 130.909.127 | 130.909.127 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (130.909.127) | (130.909.127) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.8 | 10.266.497.188 | 7.226.176.526 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.9 | 2.957.000.273 | 2.965.067.969 |
| 1. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 3.300.000.000 | 3.300.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | (342.999.727) | (334.932.031) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 208.419.200 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 208.419.200 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 24.516.725.512 | 25.378.358.587 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 11.355.720.062 | 12.234.547.772 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 5.168.250.596 | 6.047.078.306 |
| 1. Phải trả người bán | 312 | V.10 | 2.198.677.627 | 2.238.677.627 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 313 | V.11 | 121.615.000 | 100.000.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.12 | 1.893.415.960 | 1.790.560.500 |
| 4. Chi phí phải trả | 316 | | 15.310.400 | 3.788.700 |
| 5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 841.257.022 | 1.728.576.892 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 97.974.587 | 185.474.587 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 6.187.469.466 | 6.187.469.466 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.14 | 6.187.469.466 | 6.187.469.466 |
| B. NGUỒN VỐN | 400 | | 13.161.005.450 | 13.143.810.815 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 13.161.005.450 | 13.143.810.815 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 2.610.751.724 | 2.610.751.724 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 252.355.587 | 252.355.587 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (9.702.101.861) | (9.719.296.496) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 24.516.725.512 | 25.378.358.587 |



Lê Phương Nam
 Tổng Giám đốc
 Ngày 24 tháng 06 năm 2015

Lương Huyền Thảo
 Phụ trách kế toán

Lương Huyền Thảo
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|-------|-------------|---------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 5.325.169.520 | 6.779.941.685 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 5.325.169.520 | 6.779.941.685 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 4.790.476.190 | 5.428.798.160 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 534.693.330 | 1.351.143.525 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 18.321.941 | 27.350.377 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | | 8.067.696 | (501.067.969) |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 423.914.580 | 4.984.091.058 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 121.032.995 | (3.104.529.187) |
| 9. Chi phí khác | 32 | | 103.838.360 | 1.825.893.707 |
| 10. Lợi nhuận khác | 40 | | (103.838.360) | (1.825.893.707) |
| 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 17.194.635 | (4.930.422.894) |
| 12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | - |
| 13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | VI.4 | 17.194.635 | (4.930.422.894) |
| 14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.5 | 9 | (2.465) |



Lê Phương Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 06 năm 2015

Lương Huyền Thảo
Phụ trách kế toán

Lương Huyền Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|-----------|----------------------|----------------------|
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 6.528.475.000 | 6.625.830.000 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (12.990.000.000) | (6.117.578.047) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (1.620.880.403) | (1.189.883.525) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (982.900) | (50.000.000) |
| 4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 9.073.000.000 | 2.873.522.700 |
| 5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 07 | (1.510.370.441) | (1.260.211.294) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (520.758.744) | 881.679.834 |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn | 21 | | (1.399.800) |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | (559.000.000) | (3.160.000.000) |
| 2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị | 24 | 559.000.000 | 2.800.000.000 |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 18.321.941 | 21.837.044 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 18.321.941 | (339.562.756) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (502.436.803) | 542.117.078 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 627.309.568 | 85.192.490 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 124.872.765 | 627.309.568 |



Lê Phương Năm
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 06 năm 2015

Lương Huyền Thảo
Phụ trách kế toán

Lương Huyền Thảo
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 08 năm 2013, Công ty chuyển số đăng ký kinh doanh từ số 0103004132 sang số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 10 tháng 01 năm 2008, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số cổ phiếu là SRA.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải và hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học;
- Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn du học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;
- Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet;
- Lắp đặt mạng LAN, WAN;
- Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông; và
- Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ tài chính ban hành.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được thực hiện phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------|---------------|
| Máy móc thiết bị | 05 - 08 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| Thiết bị quản lý | 03 - 08 |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| 1. Tiền | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 124.371.499 | 625.421.380 |
| Tiền gửi ngân hàng | 501.266 | 1.888.188 |
| Cộng | 124.872.765 | 627.309.568 |
| | | |
| 2. Phải thu khách hàng | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường | 825.180.000 | 825.180.000 |
| Doanh nghiệp Tư nhân Phước Thủy | 820.000.000 | 820.000.000 |
| Công ty Cổ phần BORSMI | - | 670.000.000 |
| Công ty CP thương mại công nghệ Hùng Phát | - | 245.500.000 |
| Các đối tượng khác | 30.760.453 | 30.760.453 |
| Cộng | 1.675.940.453 | 2.591.440.453 |
| | | |
| 3. Trả trước cho người bán | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Sara Hà Nội | 6.720.000.000 | 800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Delta | 903.244.331 | 903.244.331 |
| Công ty CP Tư vấn Kiến trúc Đô thị UAC | 450.000.000 | 450.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425 | 221.327.363 | 221.327.363 |
| Các đối tượng khác | 94.020.100 | 90.776.200 |
| Cộng | 8.388.591.794 | 2.465.347.894 |
| | | |
| 4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425 | 363.273.090 | 363.273.090 |
| Đặng Đình Ban | 150.000.000 | 150.000.000 |
| Võ Quang Phong | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Phải thu khác | 5.513.333 | 5.513.333 |
| Cộng | 528.786.423 | 528.786.423 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường | 412.590.000 | - |
| Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy | 820.000.000 | 574.000.000 |
| Công ty Cổ phần Delta | 903.244.331 | 903.244.331 |
| Công ty Cổ phần Sara Hà Nội | - | 800.000.000 |
| Công ty CP tư vấn kiến trúc đô thị UAC | 450.000.000 | 450.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425 | 584.600.453 | 584.600.453 |
| Công ty Cổ phần TM công nghệ Hưng Phát | - | 245.500.000 |
| Công ty CP BORSMI | - | 469.000.000 |
| Các đối tượng khác | 126.536.653 | 121.536.653 |
| Cộng | 3.296.971.437 | 4.147.881.437 |

6. Tài sản ngắn hạn khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 216.143 | 216.143 |
| Tạm ứng | 3.836.000.000 | 12.537.000.000 |
| - Trần Khắc Hùng | 3.836.000.000 | 11.815.000.000 |
| - Đặng Hồng Hải | - | 422.000.000 |
| - Ngô Thị Quỳnh | - | 300.000.000 |
| Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | 240.000.000 |
| Cộng | 3.836.216.143 | 12.777.216.143 |

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị quản lý VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 207.782.115 | 317.059.632 | 509.719.800 | 1.034.561.547 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 207.782.115 | 317.059.632 | 509.719.800 | 1.034.561.547 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 207.782.115 | 303.647.734 | 407.636.686 | 919.066.535 |
| Khấu hao trong năm | - | 13.411.898 | 78.516.883 | 91.928.781 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 207.782.115 | 317.059.632 | 486.153.569 | 1.010.995.316 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | - | 13.411.898 | 102.083.114 | 115.495.012 |
| Tại ngày 31/12/2014 | - | - | 23.566.231 | 23.566.231 |

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 681.068.088 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Dự án Vân Canh | 4.728.377.095 | 3.814.931.433 |
| Dự án Datacenter | 3.485.124.014 | 3.386.455.680 |
| Dự án Mobipayment | 52.996.079 | 24.789.413 |
| Dự án phần mềm kế toán doanh nghiệp | 2.000.000.000 | - |
| Cộng | 10.266.497.188 | 7.226.176.526 |

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Góp vốn vào Công ty Cổ phần Borsmi | 3.300.000.000 | 3.300.000.000 |
| Giá trị vốn đầu tư | 3.300.000.000 | 3.300.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (342.999.727) | (334.932.031) |
| Cộng | 2.957.000.273 | 2.965.067.969 |

Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 10 tháng 01 năm 2011, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam mua 330.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Borsmi (mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng) với giá trị đầu tư là 3.300.000.000 đồng.

10. Phải trả người bán

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP đầu tư XD Công nghệ TM Sara | 843.988.000 | 843.988.000 |
| Trường ĐH CNTT-ĐHQG TP.HCM | 423.712.527 | 423.712.527 |
| Công ty liên doanh nền móng và công trình | 383.825.000 | 383.825.000 |
| Các đối tượng khác | 547.152.100 | 587.152.100 |
| Cộng | 2.198.677.627 | 2.238.677.627 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Huệ Lộc | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Công ty TNHH FANUC Việt Nam | 21.615.000 | - |
| Cộng | 121.615.000 | 100.000.000 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 44.595.338 | 44.595.338 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 767.228.720 | 768.211.620 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 44.263.032 | 44.263.032 |
| Các loại thuế khác | 1.037.328.870 | 933.490.510 |
| Cộng | 1.893.415.960 | 1.790.560.500 |

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 1.864.799 | 1.938.000 |
| Bảo hiểm xã hội | 214.981.484 | 191.985.044 |
| Bảo hiểm y tế | 25.665.790 | 19.671.135 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 16.744.949 | 14.982.713 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (*) | 450.000.000 | 1.500.000.000 |
| Nguyễn Thị Huệ | 132.000.000 | - |
| Cộng | 841.257.022 | 1.728.576.892 |

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2013/HDHTKD ngày 15 tháng 05 năm 2013 về việc Hợp tác dự án cung cấp máy gặt đập liên hợp gói thầu của dự án “Cạnh tranh nông nghiệp”.

14. Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara (*) | 6.187.469.466 | 6.187.469.466 |
| Cộng | 6.187.469.466 | 6.187.469.466 |

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 98/2011/HTKD về việc Hợp tác đầu tư, xây dựng, kinh doanh Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara tại Cầu Nôi, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205, Khu đô thị Đại Kim, Phường Định Công
 Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. Vốn chủ sở hữu****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---|------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2013 | 20.000.000.000 | 2.610.751.724 | 252.355.587 | (4.783.197.232) | 18.079.910.079 |
| Lỗi trong năm trước | - | - | - | (4.930.422.894) | (4.930.422.894) |
| Giảm khác (*) | - | - | - | (5.676.370) | (5.676.370) |
| Số dư tại ngày 01/01/2014 | 20.000.000.000 | 2.610.751.724 | 252.355.587 | (9.719.296.496) | 13.143.810.815 |
| Lãi/(lỗ) trong năm | - | - | - | 17.194.635 | 17.194.635 |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | 20.000.000.000 | 2.610.751.724 | 252.355.587 | (9.702.101.861) | 13.161.005.450 |

b) Cổ phiếu

| | 31/12/2014 Cổ phần | 01/01/2014 Cổ phần |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 2.000.000 | 2.000.000 |
| + Cổ phiếu thường | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.000.000 | 2.000.000 |
| + Cổ phiếu thường | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Số cổ phiếu bình quân | 2.000.000 | 2.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý xây dựng, bộ phận quản lý hoạt động thiết kế website, phần mềm và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý xây dựng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng

Bộ phận quản lý bán hàng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến bán hàng.

Bộ phận quản lý khác: chuyên quản lý các hoạt động đào tạo, đầu tư tài chính...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Hoạt động xây dựng VND | Hoạt động bán hàng VND | Hoạt động khác VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Tài sản | | | | |
| Tài sản bộ phận | 19.814.254.041 | 962.000.000 | 3.051.020.373 | 23.827.274.414 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 689.451.098 |
| Tổng tài sản | 19.814.254.041 | 962.000.000 | 3.051.020.373 | 24.516.725.512 |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 8.507.762.093 | 1.100.000.000 | - | 9.607.762.093 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 1.747.957.969 |
| Tổng nợ phải trả | 8.507.762.093 | 1.100.000.000 | - | 11.355.720.062 |

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Hoạt động xây dựng VND | Hoạt động bán hàng VND | Hoạt động khác VND | Tổng cộng VND |
|---|------------------------------|------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng | - | 5.325.169.520 | - | 5.325.169.520 |
| Tổng doanh thu | - | 5.325.169.520 | - | 5.325.169.520 |
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | - | 4.790.476.190 | - | 4.790.476.190 |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | - | 534.693.330 | - | 534.693.330 |
| Chi phí không phân bổ | | | | 423.914.580 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 110.778.750 |
| Doanh thu từ các khoản đầu tư | | | | 18.321.941 |
| Lợi nhuận khác | | | | (103.838.360) |
| Chi phí tài chính | | | | 8.067.696 |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | 17.194.635 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | - |
| Lợi nhuận trong năm | | | | 17.194.635 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2014

| | Hoạt động xây dựng VND | Hoạt động bán hàng VND | Hoạt động khác VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Tài sản | | | | |
| Tài sản bộ phận | 19.859.307.236 | 962.000.000 | 3.171.339.181 | 23.992.646.417 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 1.385.712.170 |
| Tổng tài sản | 19.859.307.236 | 962.000.000 | 3.171.339.181 | 25.378.358.587 |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 8.350.147.093 | 1.500.000.000 | - | 9.850.147.093 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 2.384.400.679 |
| Tổng nợ phải trả | 8.350.147.093 | 1.500.000.000 | - | 12.234.547.772 |

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

| | Hoạt động xây dựng VND | Hoạt động bán hàng VND | Hoạt động khác VND | Tổng cộng VND |
|---|------------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 89.090.909 | 5.742.857.140 | 947.993.636 | 6.779.941.685 |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu | 89.090.909 | 5.742.857.140 | 947.993.636 | 6.779.941.685 |
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 241.363.636 | 5.065.134.714 | 122.299.810 | 5.428.798.160 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | (152.272.727) | 677.722.426 | 825.693.826 | 1.351.143.525 |
| Doanh thu từ các khoản đầu tư | | | | 27.350.377 |
| Lợi nhuận khác | | | | (1.825.893.707) |
| Chi phí tài chính | | | | (501.067.969) |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | (4.838.422.894) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | - |
| Lợi nhuận trong kỳ | | | | (4.838.422.894) |

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 205, khu đô thị Đại Kim, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 5.325.169.520 | 6.779.941.685 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Doanh thu hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN | 5.325.169.520 | 6.582.111.685 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 5.325.169.520 | 5.742.857.140 |
| Doanh thu xây dựng | - | 750.163.636 |
| Doanh thu khác | - | 89.090.909 |
| Doanh thu hoạt động được ưu đãi thuế TNDN | - | 197.830.000 |
| Doanh thu dịch vụ thiết kế Website | - | 197.830.000 |
| Cộng | 5.325.169.520 | 6.779.941.685 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Giá vốn hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN | 4.790.476.190 | 5.385.075.519 |
| Giá vốn hàng hóa | 4.790.476.190 | 5.065.134.714 |
| Dịch vụ xây dựng | - | 241.363.636 |
| Dịch vụ khác | - | 78.577.169 |
| Giá vốn hoạt động được ưu đãi thuế TNDN | - | 43.722.641 |
| Dịch vụ thiết kế Website | - | 43.722.641 |
| Cộng | 4.790.476.190 | 5.428.798.160 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 18.321.941 | 27.350.377 |
| Cộng | 18.321.941 | 27.350.377 |

4. Chi phí thuế TNDN hiện hành

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|--------------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 17.194.635 | (4.930.422.894) |
| Các khoản điều chỉnh | 103.838.360 | - |
| <i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i> | <i>103.838.360</i> | <i>-</i> |
| <i>Trừ: Các khoản thu nhập được miễn thuế</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Thu thập tính thuế TNDN | 103.838.360 | - |
| Lỗi các năm trước chuyển sang | (10.100.288.879) | - |
| Thuế suất thuế TNDN | 22% | 25% |
| Thuế TNDN phải nộp | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 17.194.635 | (4.930.422.894) |
| Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu | 17.194.635 | (4.930.422.894) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 9 | (2.465) |

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 4.790.476.190 | 934.343.805 |
| Chi phí nhân công | 685.301.934 | 684.702.094 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 91.928.781 | 114.509.319 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 227.478.542 | 6.832.941.319 |
| Chi phí khác bằng tiền | 225.081.700 | 602.718.419 |
| Cộng | 6.020.267.147 | 9.169.214.956 |

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ tại ngày | |
|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền | 124.872.765 | 627.309.568 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | (1.092.244.561) | (1.027.654.561) |
| Đầu tư dài hạn | 2.957.000.273 | 2.965.067.969 |
| Cộng | 1.989.628.477 | 2.564.722.976 |
| Công nợ tài chính | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 9.227.404.115 | 10.154.723.985 |
| Chi phí phải trả | 15.310.400 | 3.788.700 |
| Cộng | 9.242.714.515 | 10.158.512.685 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tại 31/12/2014 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 3.039.934.649 | 6.187.469.466 | 9.227.404.115 |
| Chi phí phải trả | 15.310.400 | - | 15.310.400 |
| Cộng | 3.055.245.049 | 6.187.469.466 | 9.242.714.515 |
| | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng |
| | VND | VND | VND |
| Tại 01/01/2014 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 3.967.254.519 | 6.187.469.466 | 10.154.723.985 |
| Chi phí phải trả | 3.788.700 | - | 3.788.700 |
| Cộng | 3.971.043.219 | 6.187.469.466 | 10.158.512.685 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn trong tương lai.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

| Tại 31/12/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tiền | 124.872.765 | - | 124.872.765 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | (1.092.244.561) | - | (1.092.244.561) |
| Đầu tư dài hạn | - | 2.957.000.273 | 2.957.000.273 |
| Cộng | (967.371.796) | 2.957.000.273 | 1.989.628.477 |
| Tại 01/01/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng |
| | VND | VND | VND |
| Tiền | 627.309.568 | - | 627.309.568 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | (1.027.654.561) | - | (1.027.654.561) |
| Đầu tư dài hạn | - | 2.965.067.969 | 2.965.067.969 |
| Cộng | (400.344.993) | 2.965.067.969 | 2.564.722.976 |

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

| <i>Số dư với các bên liên quan</i> | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 3.836.000.000 | 11.815.000.000 |
| Ông Trần Khắc Hùng | 3.836.000.000 | 11.815.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 363.273.090 | 363.273.090 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425 | 363.273.090 | 363.273.090 |
| Đầu tư dài hạn | 3.300.000.000 | 3.300.000.000 |
| Công ty CP Borsmi | 3.300.000.000 | 3.300.000.000 |
| Trả trước cho người bán | 6.941.327.363 | 1.021.327.363 |
| Công ty Cổ phần Sara Hà Nội | 6.720.000.000 | 800.000.000 |
| Công ty CP đầu tư XD Sara 425 | 221.327.363 | 221.327.363 |
| Phải trả dài hạn khác | 6.187.469.466 | 6.187.469.466 |
| Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara | 6.187.469.466 | 6.187.469.466 |
| Giao dịch với các bên liên quan | Năm 2014 | Năm 2013 |
| | VND | VND |
| Hoàn ứng | 7.979.000.000 | - |
| Ông Trần Khắc Hùng | 7.979.000.000 | - |
| Trả trước cho người bán | 7.920.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sara Hà Nội | 7.920.000.000 | - |

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

a. Bản chất của sai sót

Công ty chưa ghi nhận chi phí kiểm toán phát sinh trong năm 2012 và 2013 với tổng số tiền là 84.000.000 đồng. Chi tiết sai sót như sau:

| Chỉ tiêu trên báo cáo | Mã số | Ảnh hưởng VND |
|--|--------------|----------------------|
| Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014 | | |
| Nợ phải trả tăng | 300 | 176.000.000 |
| Nợ ngắn hạn tăng | 310 | 176.000.000 |
| Phải trả người bán tăng | 312 | 176.000.000 |
| Nguồn vốn giảm | 400 | (176.000.000) |
| Vốn chủ sở hữu giảm | 410 | (176.000.000) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm | 420 | (176.000.000) |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 | | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng | 25 | 176.000.000 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm | 50 | (176.000.000) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm | 60 | (176.000.000) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm | 70 | (88) |

b. Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính trước điều chỉnh và sau điều chỉnh

Số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là số liệu đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố, chi tiết như sau:

| Chỉ tiêu trên báo cáo | Mã số | Trước điều chỉnh VND | Sau điều chỉnh VND |
|--|--------------|-----------------------------|---------------------------|
| Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014 | | | |
| Nợ phải trả | 300 | 12.058.547.772 | 12.234.547.772 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 5.871.078.306 | 6.047.078.306 |
| Phải trả người bán | 312 | 2.062.677.627 | 2.238.677.627 |
| Nguồn vốn | 400 | 13.319.810.815 | 13.143.810.815 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 13.319.810.815 | 13.143.810.815 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | (9.543.296.496) | (9.719.296.496) |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 | | | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 4.808.091.058 | 4.984.091.058 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | (4.754.422.894) | (4.930.422.894) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | (4.754.422.894) | (4.930.422.894) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | (2.377) | (2.465) |



Lê Phương Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 06 năm 2015


Lương Huyền Thảo
Phụ trách kế toán


Lương Huyền Thảo
Người lập biểu